TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 791/2019/HSPT
Ngày: 13/12/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng;

Ông Ngô Tự Học.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 630/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Vũ Xuân H; sinh năm 1960 tại Nam Định; nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp khi phạm tội là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt ngày 04/6/2019); trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân N (Đã chết) và bà Vũ Thị N1; có vợ là Nguyễn Thị H1; có 2 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1985; Bị cáo tham gia quân đội từ năm 1978 đến tháng 10/1982, quá trình công tác nhiều năm được tặng thưởng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", được tặng "Bằng khen" của Thủ tướng Chính phủ; sức khoẻ yếu, có tỉ lệ tổn thương cơ thể 81 %; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T; sinh năm 1965 tại Nam Định; nơi đăng ký HKTT: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp khi phạm tội là công chức địa chính tại Ủy ban nhân dân xã T; Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt ngày 04/6/2019); trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (Đã chết) và bà Phạm Thị N2 (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị X; có 2 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; quá trình công tác nhiều năm được tặng thưởng danh hiệu "Lao

động tiên tiến"; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Hiện tại ngoại. Có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:*** Luật sư Nguyễn Thị Phương A – Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khu vực thùng Đồng Thính thuộc thửa đất số 60, 81 tờ bản đồ số 5-I; 5-II (trước đây là thửa đất số 151, 152 tờ bản đồ số 5) xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là đất công ích được quy hoạch là loại đất nuôi trồng thủy sản do Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã T, huyện V, tỉnh Nam Định quản lý. Vì thửa đất trên nằm dưới đường lưới điện cao thế đi qua, nên khi toàn bộ khu vực Đ được quy hoạch cấp đất giãn dân thì các thửa đất này không được cấp làm đất ở, giữ nguyên là đất nuôi trồng thủy sản và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không được xây dựng các công trình vi phạm hành lang an toàn lưới điện. Hàng năm, UBND xã cho các hộ dân trong xã thuê để nuôi trồng thủy sản và nộp tiền cho thuê vào ngân sách xã nhưng người dân vứt rác bừa bãi xuống khu vực các thửa đất này gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy khi ông Phan Văn H2 ở xóm C, xã T, huyện V có đơn xin được thuê đất khu vực Đ để làm cơ sở cơ khí và sản xuất gạch. Thời điểm đó cơ sở cơ khí và sản xuất gạch của ông H2 đang ở vị trí sát cạnh trường tiểu học gây tiếng ồn ảnh hưởng đến việc dạy học của trường nên Vũ Xuân H là Chủ tịch UBND xã đã nhận đơn. Ngày 27/02/2011, Thường trực Đảng ủy, UBND xã, Hội đồng nhân dân xã đã họp thống nhất và ra biên bản có ghi thành phần họp gồm: Ông Vũ Tiến N3 - Bí thư Đảng ủy; ông Bùi Huy C - Phó Bí thư Đảng ủy; Vũ Xuân H - Chủ tịch UBND xã; Vũ Viết T2 - Phó chủ tịch UBND xã phụ trách địa chính; ông Phan Xuân D - Phó chủ tịch UBND xã phụ trách văn hóa; Nguyễn Văn T - Cán bộ địa chính. Tại cuộc họp nhất trí giải quyết đơn của ông H2 về việc xin thuê đất vạt chéo khu thùng Đồng Thính thuộc thửa đất số 151, 152 tờ bản đồ số 5 làm khu sản xuất gạch bi và giao cho UBND xã triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Biên bản cuộc họp có chữ ký của ông N3, Vũ Xuân H và Nguyễn Văn T. Sau cuộc họp Vũ Xuân H đã chỉ đạo Vũ Viết T2 và Nguyễn Văn T tiến hành việc khảo sát, đo đạc khu vực đất Đ, lập hồ sơ, hợp đồng để cho ông Phan Văn H2 thuê đất. Vũ Viết T2 không trực tiếp làm cùng mà bảo Nguyễn Văn T tự chủ động thực hiện. Cùng thời điểm đó ông Vũ Nguyên B và ông Nguyễn Văn M cũng có đơn gửi UBND xã xin được thuê một phần đất thùng Đ để làm nơi chứa vật liệu xây dựng và sản xuất kinh doanh gạch bi bê tông. Vũ Xuân H đã tiếp nhận đơn nhưng không báo cáo xin ý kiến các cấp có thẩm quyền phê duyệt mà tự thông báo điều kiện để được thuê đất là các hộ thuê đất phải tự chịu kinh phí san lấp, phải tự xây mương thoát nước để chống ngập lụt, không được xây dựng nhà kiên cố, chỉ được xây dựng lán tạm, không được vi phạm hành lang an toàn lưới điện, không được lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, không gây ô nhiễm môi trường và các hộ thuê đất đều nhất trí. Vũ Xuân H đã trực tiếp chỉ đạo Nguyễn Văn T lập hồ sơ đo đất, vẽ sơ đồ và soạn thảo hợp đồng thuê đất.

Ngày 15/7/2011 UBND xã đã ký hợp đồng cho thuê đất công ích với 3 hộ dân, trong đó ông Phan Văn H2 được thuê 1.247m^2, ông Vũ Nguyên B được thuê 506m^2, ông Nguyễn Văn M được thuê 132m^2, tổng cộng UBND xã đã tổ chức cho thuê 1.885 m^2 để làm cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê đất là 5 năm (từ ngày 01/01/2012 đến 30/12/2016) mức giá thuê là 7.800đ/m^2/năm. Vũ Xuân H ký tên đóng dấu mục thay mặt UBND xã, Nguyễn Văn T ký mục địa chính xây dựng, ông Nguyễn Văn T3 ký mục tài chính. Sau đó, hàng năm UBND xã đã thu tiền thuê đất của 3 hộ dân trên và từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/12/2016 đã thu được tổng số tiền là 73.000.000 đồng nhập vào ngân sách xã dùng để chi cho các hoạt động thường xuyên. Phần còn lại của thùng Đồng Thính, UBND xã đã xây tường bao thành bãi chứa rác tạm của Hợp tác xã L2.

Sau khi được giao đất các hộ được thuê đất đã tự san lấp mặt bằng, xây dựng lán xưởng tạm và sử dụng để sản xuất và kinh doanh gạch không nung, sản xuất cơ khí. Đến ngày 30/12/2016 hết hạn hợp đồng, ông Bùi Huy L - Chủ tịch UBND xã đã ký tiếp hợp đồng thuê đất với các hộ dân trên, thời hạn thuê từ 01/01/2017 đến 30/12/2021. Quá trình sử dụng hộ ông Vũ Nguyên B, ông Nguyễn Văn M đã xây dựng thành nhà xưởng kiên cố, vi phạm hành lang an toàn lưới điện, nên đã bị Điện lực huyện Nam Trực thuộc Công ty Đ1 là đơn vị quản lý đường điện lập biên bản vi phạm yêu cầu tháo dỡ. Khi phát hiện việc ký hợp đồng không đúng và các hộ dân xây dựng nhà xưởng kiên cố vi phạm hợp đồng, UBND xã đã chủ động thông báo thanh lý các hợp đồng, xử lý vi phạm, buộc các hộ dân phải tự tháo dỡ nhà xưởng trả lại mặt bằng cho UBND xã.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Nam Định xác định: Giá đất nuôi trồng thủy sản xã T năm 2011 là 50.000đồng/m^2.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Vũ Xuân H, Vũ Viết T2, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi cho thuê và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khu vực Đ như nêu trên.

Bản cáo trạng số 37/QĐ-KSĐT-P1 ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T, Vũ Viết T2 về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (Sau đây viết tắt là BLHS năm 1999).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 282 của BLHS năm 1999,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T phạm tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ";

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 282, các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999,

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân H 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 282, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Căn cứ khoản 4 Điều 282 BLHS năm 1999, cấm bị cáo Nguyễn Văn T đảm nhiệm chức vụ cán bộ địa chính trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Vũ Viết T2, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Vũ Xuân H có đơn kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" là đúng pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 282 của BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo H có nhiều bằng khen, thành tích trong công tác, đặc biệt có bằng khen của thủ tướng chính phủ về quá trình công tác tại địa phương, là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huy chương chống ngoại xâm là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; bản thân bị cáo H không vì mục đích cá nhân, mong muốn làm hạn chế ô nhiễm môi trường, vì yếu tố tâm linh nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo H, T đều bị tai nạn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm nhận rõ thiếu sót của mình, ăn năn hối cải, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, xét về nhân thân của các bị cáo có thể tự cải tạo tại địa phương, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, giữ nguyên hình phat 15 tháng nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T có quan điểm đồng tình với quan điểm đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

1. Nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo;

2. Hậu quả không mong muốn xảy ra, tuy nhiên đã thu được một khoản tiền nộp ngân sách, góp phần khắc phục một phần hậu quả đã gây ra.

3. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Xuân H và Nguyễn Văn T là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Các thửa đất số 60, 81 thuộc tờ bản đồ số 5-I; 5-II (trước đây là thửa đất số 151, 152 tờ bản đồ số 5) tại khu vực Đ, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định là loại đất nuôi trồng thủy sản, nằm dưới đường điện cao thế và không được phép chuyển mục đích sử dụng đất. Mặc dù nhận thức được các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, song vì động cơ vụ lợi cho tập thể là muốn tăng nguồn thu cho ngân sách xã, Vũ Xuân H - nguyên Chủ tịch UBND xã, Nguyễn Văn T - nguyên cán bộ địa chính xã và Vũ Viết T2 - nguyên Phó chủ tịch UBND xã đã họp thống nhất cho ông Phan Văn H2 thuê đất để kinh doanh. Khi tiến hành ký hợp đồng Vũ Xuân H và Nguyễn Văn T còn tự cho phép thêm hộ ông Nguyễn Văn M và hộ ông Vũ Nguyên B cùng thuê đất để kinh doanh. Tổng diện tích đất các hộ ký hợp đồng thuê là 1.885 m^2. Như vậy, việc ký kết, thực hiện các hợp đồng thuê đất nêu trên mặc dù về mặt thủ tục pháp lý các hộ thuê đất chưa được cấp Giấy chứng nhận, nhưng về mặt thực tế thì mục đích sử dụng đất đã bị chuyển đổi từ loại đất nuôi trồng thủy sản sang đất sản xuất kinh doanh, làm mất đi nguồn gốc đất nông nghiệp. Các hộ thuê đất đã vượt lập, xây dựng lán xưởng để kinh doanh, không đúng mục đích sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý về đất đai, gây hậu quả phi vật chất là ảnh hưởng đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nhà nước và hiện hậu quả này vẫn đang được UBND xã T khắc phục thông qua việc tiến hành thanh lý các hợp đồng thuê đất, yêu cầu các hộ tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và hoàn thiện các thủ tục bàn giao lại mặt bằng cho UBND xã quản lý.

Do đó, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xác định hành vi của Vũ Xuân H và Nguyễn Văn T là vượt quá quyền hạn của mình, làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước nên đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Lạm quyền trong

khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 282 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trong vụ án này, về mặt thực tế diện tích đất cho thuê là đất nuôi trồng thủy sản nằm dưới đường lưới điện cao thế nên hiệu quả sử dụng về mặt kinh tế không cao, các hộ dân thường vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường, đồng thời với mục đích di dời xưởng cơ khí và sản xuất gạch của ông H2 khỏi khu vực trường tiểu học, tránh làm ảnh hưởng đến việc dạy học nên Thường trực Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã mới tiến hành bàn bạc, thống nhất giải quyết đơn xin thuê đất của ông H2.

Quá trình điều tra đã xác định các bị cáo không tư lợi cho bản thân mà toàn bộ số tiền cho thuê đất, các bị cáo đã đưa vào ngân sách xã, sử dụng vào việc xây dựng các công trình của địa phương, đến nay không có tổ chức, cá nhân nào yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Đây là những yếu tố quan trọng để Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với Vũ Xuân H: Bị cáo nguyên là Chủ tịch UBND xã T giai đoạn 2004 - 2014, là người chịu trách nhiệm chính về việc quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương, đã đứng ra chủ trì, tổ chức cuộc họp bàn về vấn đề cho thuê đất. Sau khi Thường trực Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã thống nhất thông qua, Vũ Xuân H đã chỉ đạo Nguyễn Văn T soạn thảo hợp đồng thuê đất và tổ chức giao 1.885 m^2 đất cho 03 hộ dân tại khu vực thùng Đ. Do đó, về cơ bản có thể xác định Vũ Xuân H có vai trò, trách nhiệm chính trong vụ án.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo nguyên là cán bộ địa chính xã có nhiệm vụ tham mưu cho UBND xã T về lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương, bản thân bị cáo nhận thức được việc cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là vi phạm quy định pháp luật đất đai, nhưng không chủ động tham mưu cho lãnh đạo xã chấp hành đúng pháp luật. Bị cáo tham gia cuộc họp ngày 27/2/2011, nhưng sau đó không thực hiện theo nghị quyết cuộc họp là làm thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mà thực hiện sự chỉ đạo của UBND xã, trực tiếp tổ chức khảo sát, đo đạc và bàn giao đất cho 03 hộ tại thùng Đ.

[3.3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo Vũ Xuân H đã tự nguyện nộp số tiền 54.250.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả nếu có cho cơ quan thi hành án (Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả lại bị cáo số tiền này) đã thể hiện rõ sự ăn năn hối cải của bị cáo. Quá trình công tác bị cáo H có nhiều thành tích, được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Huy chương vì sự nghiệp chữ thập đỏ, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bản thân bị cáo H là người có công với cách mạng, có thời gian công tác trong quân đội,

sức khỏe yếu, đã phải nghỉ hưu trước tuổi do bệnh tật, có tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%, được tặng thưởng huy chương chống ngoại xâm là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo T cũng được tặng thưởng nhiều giấy khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn T sức khoẻ yếu, đã 2 lần phải phẫu thuật vì bệnh tật và tai nạn.

Về hậu quả tội phạm, hiện đang được khắc phục thông qua việc UBND xã T đã tiến hành thanh lý các hợp đồng thuê đất, yêu cầu các hộ tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và hoàn thiện các thủ tục bàn giao lại mặt bằng cho UBND xã quản lý. Ngoài ra, các bị cáo còn được Đảng bộ huyện Vụ Bản; Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Hội cựu chiến binh và nhân dân xã T, huyện V có đơn trình bày và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

Đánh giá toàn diện các yếu tố về nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng trong giai đoạn hiện nay thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt 15 tháng tù đối với các bị cáo trong trường hợp này là phù hợp. Do đó, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, xét các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng, cũng như các yếu tố khác như các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo tại địa phương; việc cho các bị cáo được hưởng án treo thể hiện rõ bản chất khoan hồng, nhân đạo của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định như sau:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T, phạm tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ".

- Căn cứ khoản 1 Điều 282; các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vũ Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 282; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn T đảm nhiệm chức vụ cán bộ địa chính trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Các bị cáo Vũ Xuân H, Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Nam Định;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phùng Hải Hiệp